

ỨNG DỤNG WEB

Nguyễn Thị Mai Trang

1



Chương 1

Tổng quan về Internet và công nghệ web



MỤC TIỀU

- Trình bày được các vấn đề cơ bản về Internet và World Wide Web
- Trình bày được nguyên lý hoạt động của các trang web
- Phân biệt được web tĩnh và web động
- Sử dụng được một số phần mềm soạn thảo trang HTML
- Tạo và triển khai được ứng dụng web lên web hosting

Э



NỘI DUNG CHƯƠNG 1

- 1. Tổng quan về Internet
- 2. Tổng quan về công nghệ Web
- 3. Giới thiệu một số phần mềm soạn thảo trang web
- 4. Cách tạo và triển khai ứng dụng web

.



1.1. Tổng quan về Internet

- Internet (<u>Internation Network</u>) là mạng máy tính toàn cầu (mạng của các mạng)
- Internet hoat đông dựa trên mô hình client/server.
 - Trong đó, mỗi máy tính được xác định bởi một địa chỉ IP (Internet protocol)
 - Sử dụng một giao thức chung để giao tiếp với nhau (web, mail,...)
- Úng dung của Internet:
 - Giao tiếp: thư điện tử, trò chuyện trực tuyến, mạng xã hội
 - Công cụ tìm kiếm thông tin
 - Thương mại điện tử
 - Đào tạo trực tuyến
 - Cung cấp các dịch vu y tế, ngân hàng,...
 - Chính phủ điện tử

5





Tổng quan về Internet (tt)

- Các giao thức (protocols): Tập hợp các quy tắc chuẩn mà các máy tính phải tuân theo khi giao tiếp trên Internet.
 - Tranmission Control Protocol (TCP):
 - Giao thức hướng kết nối
 - Thiết lập kết nối giữa hai máy tính để truyền tải dữ liệu tin cậy, có kiểm soát lỗi.
 - User Datagram Protocol (UDP):
 - Truyền dữ liệu dạng không kết nối
 - Không thực hiện kiểm soát lỗi, do đó tốc độ truyền nhanh.
 - Hyper Text Transfer Protocol (HTTP):
 - Truyền siêu văn bản (HTML) giữa máy chủ web (Web server) đến trình duyệt trên máy người dùng (Web client)
 - Hoạt động theo mô hình Client/Server, sử dụng giao thức TCP.

6

6



Tổng quan về Internet (tt)

· Các giao thức (tt)

- File Transfer Protocol (FTP):
 - Truyền file trên internet
 - Hoạt động theo mô hình Client/Server, sử dụng giao thức TCP.
- Simple Mail Transfer Protocol (SMTP):
 - Gửi thư điện tử đến máy chủ (mail server) trên internet
 - · Hoạt động theo mô hình Client/Server, sử dụng giao thức TCP
- Post Office Protocol (POP3):
 - Lấy thư điện tử từ máy chủ (mail server) về máy người dùng
 - · Hoạt động theo mô hình Client/Server, sử dụng giao thức TCP

7

/



Tổng quan về Internet (tt)

Hệ thống tên miền (Domain name system)

- Mỗi máy tính trên mạng được xác định thông qua một địa chỉ luận lý, gọi là địa chỉ IP
- -Địa chỉ IP được biểu diễn dưới dạng số nguyên 32 bit → khó
 nhớ → Domain Name System (DNS) → ánh xạ địa chỉ IP thành một tên miền dễ nhớ.
- Ví dụ: website Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh
 - Truy cập theo địa chỉ IP: http://203.113.188.1
 - Truy cập theo tên miền (DNS): http://ou.edu.vn

8



NỘI DUNG CHƯƠNG 1

- 1. Tổng quan về Internet
- 2. Tổng quan về công nghệ Web
- 3. Giới thiệu một số phần mềm soạn thảo trang web
- 4. Cách tạo và triển khai ứng dụng web

9

9



1.2. Tổng quan về công nghệ web

- World Wide Web
- Khái niệm Web Tĩnh, Web động
- Trình duyệt web
- Cách hoạt động của các trang web

10



1.2.1 World Wide Web

- World Wide Web (Web WWW)
 - Không gian thông tin toàn cầu mà mọi người có thể truy cập (đọc và viết) thông qua các thiết bị kết nối với mạng Internet.
 - WWW là một phần của Internet, là một trong các dịch vụ trên
 Internet
 - Do Tim Berners-Lee, một chuyên gia tại CERN, Geneva, Thụy
 Sĩ phát minh ngày 12 tháng 3 năm 1989, công bố năm 1990.
 - Được phát triển bởi hiệp hội World Wide Web Consortium (W3C)

11

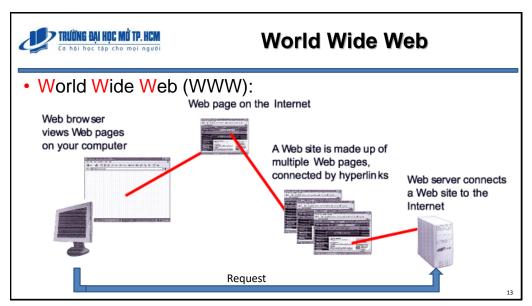
11



World Wide Web

- · WWW hoạt động theo giao thức HTTP
- Sử dụng địa chỉ URL để tìm các trang web, các tài nguyên trên internet.
- WWW sử dụng ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản để tạo các tài liệu HTML
- Các tập tin HTML được lưu trên máy chủ dịch vụ web (web server)
- Người dùng sử dụng trình duyệt (browser) để gởi một yêu cầu.
- Web server hồi đáp bằng cách gửi thông tin được yêu cầu đến trình duyệt dưới dạng các trang HTML
- Trình duyệt định dạng thông tin nhận được và hiển thị.

12





World Wide Web

- · Các thành phần của World Wide Web:
 - Web page: trang web.
 - Website: tập hợp các trang web đặt trên máy chủ web.
 - Địa chỉ URL: địa chỉ dùng để truy cập trang web.
 - Trình duyệt: chương trình phần mềm dùng để duyệt web.
 - Host: lưu trữ ứng dụng web (mã nguồn, các tập tin đã được biên dịch, các chương trình xử lý phía server)
 - Domain: tên miền theo DNS ánh xạ đến địa chỉ IP của máy chủ web

4



World Wide Web

- Địa chỉ URL (Uniform Resource Locator):
 - -[protocol://]<web server name>[:TCP port]/[virtual dir]/[web file]
 - protocol: tên giao thức (với web là http hoặc https).
 - web server name: tên máy theo DNS.
 - TCP port: số nguyên 16 bit (port chuẩn của giao thức http là 80).
 - virtual dir: tên thư muc ảo trên máy chủ web.
 - web file: tên trang web/tài nguyên cần lấy về, nếu không có web file, máy chủ web sẽ gởi về trang web đã được thiết lập mặc định.
 - -Ví du: http://www.cs.washington.edu/index.html

15

15



1.2.2 Trình duyệt Web

- Phần mềm cho phép hiến thị và tìm kiếm thông tin trên WWW.
- Cung cấp một giao diện người dùng (Graphical User Interface – GUI) giúp người sử dụng tương tác với máy chủ web để lấy và hiển thị nội dung trang web.
- Người sử dụng nhập URL (hoặc click vào một liên kết) →
 Trình duyệt chuyển địa chỉ này đến web server → nhận
 được hồi đáp dưới dạng HTML →hiển thị lên cho người
 dùng.

16



Trình duyệt Web

• Một số trình duyệt phổ biến



17



1.2.3 Web tĩnh-Web động

- Web tĩnh:
 - Các tập tin HTML được đặt trên máy chủ web.
 - Khi có yêu cầu, nội dung các trang HTML này sẽ được máy chủ gởi về và hiển thị trên trình duyệt của người sử dụng, không cần phải biên dịch và xử lý trên máy chủ.
 - Không cung cấp khả năng tương tác giữa người sử dụng và máy chủ web server
 - Lưu ý: "Web tĩnh" không có nghĩa là nội dung trên trang web không có hiệu ứng động. Ví dụ: trang web chứa video và hình ảnh động vẫn có thể là trang web tĩnh.

18



Web tĩnh-Web động

- · Web động:
 - Web đông = Web tĩnh + lập trình xử lý
 - → là trang web không có sẵn, mà được tạo mỗi khi có yêu cầu
 - Cho phép người sử dụng tương tác với web server.
 - Thông qua giao diện trên trình duyệt, các yêu cầu của người sử dụng được gởi lên web server → xử lý → gởi kết quả về cho trình duyệt.
 - Web động thường được phát triển bằng:
 - Các ngôn ngữ lập trình tiên tiến như PHP, ASP, ASP.NET, Java, CGI, Perl, Python
 - Các cơ sở dữ liệu quan hệ: Access, MySql, SqlServer, Oracle,...

19

19



Web tĩnh-Web động

- Úng dụng của web động:
 - Mua sản phẩm trên trang web thương mại điện tử
 - Tìm kiếm thông tin
 - Tra cứu bản đồ
 - Emai
 - Diễn đàn, mạng xã hội
 - Chia sẻ và cộng tác trên tài liệu dùng chung (Google Docs, Google Sheets).
 - Một số ứng dụng web giống như phần mềm ứng dụng truyền thống (ví dụ: trình đọc thư và trình xử lý văn bản)

20



1.2.4 Cách hoạt động của các trang web

- Ứng dụng web hoạt động theo mô hình Client/Server.
- Phía client: trình duyệt web.
- Phía server: máy chủ web lưu trữ các trang web và tài nguyên cần thiết
 - HTML, javascript, CSS (đối với web tĩnh)
 - Các mã lệnh lập trình: ASP.NET, PHP, Java (đối với web động).
 - Trên máy chủ, ứng dụng web server luôn luôn hoạt động chờ nhận các yêu cầu từ client.

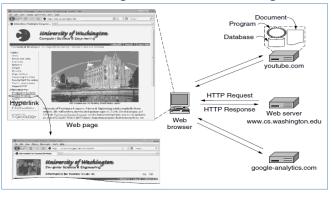
21

21

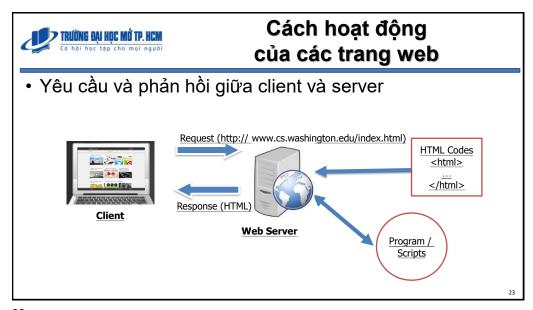


Cách hoạt động của các trang web

• Kiến trúc và hoạt động của một hệ thống web :



22





NỘI DUNG CHƯƠNG 1

- 1. Tổng quan về Internet
- 2. Tổng quan về công nghệ Web
- 3. Giới thiệu một số phần mềm soạn thảo trang web
- 4. Cách tạo và triển khai ứng dụng web

24



1.3 Một số phần mềm soạn thảo

- Notepad++ (Notepad plus plus)
- Sublime Text 3
- Adobe Dreamweaver CC
- Microsoft Visual Code

25

25



1.3.1 Notepad++

- Notepad++ (Notepad plus plus) là một trình soạn thảo mã nguồn miễn phí, được viết bằng C++.
- Notepad++ khá gọn nhẹ, tốc độ thực thi cao, đơn giản dễ cài đặt và sử dụng.
- Website download và tìm hiểu về Notepad++: https://notepad-plus-plus.org/.

26



Notepad++ (tt)

- Một số điểm đặc trưng của Notepad++:
 - Syntax Highlighting: tô sáng (đổi màu) các từ khóa và cho phép người dùng tùy chọn các thiết lập này.
 - GUI entirely customizable: cho phép tùy biến giao diện.
 - Có chế độ hiển thị Document Map (bản đồ tài liệu).
 - Auto-completion: gợi ý hoàn thành từ một cách thông minh.
 - Giao diện đa tài liệu, Multi-View.
 - WYSIWYG (Printing): in ra giống như trong giao diện soạn thảo.
 - Cho phép phóng to và thu nhỏ, đánh dấu trang (Bookmark)
 - Hỗ trợ môi trường đa ngôn ngữ.

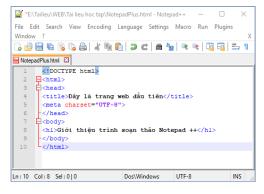
27

27



Notepad++ (tt)

• Giao diện Notepad++





1.3.2 Sublime Text 3

- Phần mềm hỗ trợ soạn thảo lập trình nổi tiếng
- Đơn giản, dễ sử dụng, dung lượng nhẹ, hệ thống menu và công cụ được bố trí hợp lý.
- Sublime Text 3 không miễn phí như Notepad++.
- Link download và tìm hiểu về Sublime Text 3: https://www.sublimetext.com/3.

29

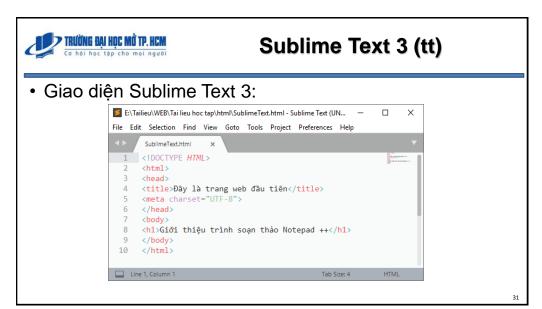
29



Sublime Text 3 (tt)

- Một số điểm đặc trưng của Sublime Text 3:
 - Dễ cài đặt, sử dụng, khởi động nhanh, tốn ít tài nguyên.
 - Giao diện đơn giản, có sẵn và hỗ trợ cài đặt nhiều theme.
 - Tự dò lỗi trong code (phân biệt bằng màu chữ).
 - Hỗ trợ đa ngôn ngữ: HTML, C+, C#, Python, Perl,...
 - Nhiều tính năng hữu ích như auto-completion, chỉnh sửa đồng thời tại nhiều vị trí, soạn thảo toàn màn hình, ...
 - Hỗ trợ nhiều plugin.

30





1.3.3 Adobe Dreamweaver

- Được tạo và phát triển bởi Macromedia (1997)
- 2005 Adobe Systems mua lại, phiên bản hiện tại là Adobe Dreamweaver CC.
- Cung cấp giao diện thiết kế trực quan (Live View):
 - Các thành phần có thể được kéo thả bằng chuột và tự sinh mã lệnh giúp người lập trình có thể thao tác dễ dàng hơn.
 - Cung cấp một trình soạn thảo mã lệnh với các tính năng hỗ trợ người dùng như làm nổi bật cú pháp, tự động hoàn thành, rút gọn, gợi ý mã, phát hiện lỗi.
 - Cho phép xem trước các thay đối trên giao diện người dùng trong khi viết code.
 - Hỗ trợ tải ứng dụng lên máy chủ web từ xa bằng FTP, SFTP, WebDAV.



Adobe Dreamweaver (tt)

- Hỗ trợ chức năng highlighting mã lệnh với các ngôn ngữ:
 - ActionScript.
 - Active Server Pages (ASP).
 - C#, Visual Basic (VB).
 - Cascading Style Sheets (CSS).
 - ColdFusion, EDML.
 - HTML, XHTML.
 - XML, XSLT.
 - Java, PHP
 - JavaScript, VBScript

33

33



Adobe Dreamweaver (tt)

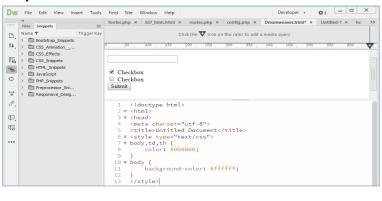
- Adobe Dreamweaver CC:
 - Hỗ trợ khá nhiều tính năng mới như HTML5, CSS3, Bootstrap, jQuery...
 - Hỗ trợ thiết kế cho ứng dụng di động mà không cần phải cài đặt thêm các bộ SDK
 - Hỗ trợ thiết kế giao diện của ứng dụng với bảng điều khiển jQuery cho phép chọn phong cách, màu sắc cho các thành phần trong giao diên ứng dung.
 - Cho phép xây dựng, tùy chỉnh giao diện, thiết kế ứng dụng với sự hỗ trợ của jQuery Mobile

84



Adobe Dreamweaver (tt)

Giao diệnAdobe Dreamweaver CC:



35



1.3.4 Visual Studio Code

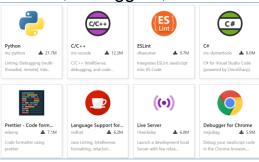
- Là phần mềm soạn thảo mã nguồn nhẹ và mạnh mẽ được phát triển bởi Microsoft dành cho Windows, Linux, MacOS.
- Hiện đang được sử dụng phố biến trên toàn thế giới
- Cung cấp các chức năng hỗ trợ soạn thảo mã lệnh cho nhiều loại ngôn ngữ như JavaScript, TypeScript, Node.js, C++, C#, Java, Python, PHP, Go
- Cung cấp giao diện đa ngôn ngữ
- Link download: https://code.visualstudio.com/download
- Tài liệu tìm hiểu Visual Studio Code: https://code.visualstudio.com/docs

36



Visual Studio Code (tt)

 Khả năng mở rộng (Extensions): cho phép cài đặt thêm ngôn ngữ, themes, debuggers,...



37

37





NỘI DUNG CHƯƠNG 1

- 1. Tổng quan về Internet
- 2. Tổng quan về công nghệ Web
- 3. Giới thiệu một số phần mềm soạn thảo trang web
- 4. Cách tạo và triển khai ứng dụng web

39

39



1.4. Cách tạo và triển khai ứng dụng web

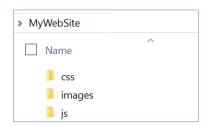
- 1. Tạo ứng dụng web
 - Tạo ứng dụng web đơn giản
- 2. Đăng ký host
 - -Đăng ký hosting miễn phí trên somee.com
- 3. Triển khai ứng dụng web
 - Upload ứng dụng web lên host

40



1.4.1 Tạo ứng dụng web

- Tổ chức thư mục
 - Tạo thư mục có tên là MyWebSite,
 gồm các thư mục con như hình bên



- Trong đó:
 - Thư mục css: dùng để chứa các tập tin css
 - Thư mục images: dùng để chứa các tập tin hình ảnh
 - Thư mục js: dùng để chứa các tập tin Javascript

41

41



1.4.1 Tạo ứng dụng web

- Tổ chức thư mục (tt)
 - Tìm/tạo và chép bốn tập tin hình ảnh vào trong thư mục images





Tạo ứng dụng web (tt)

- Tạo tập tin index.html
 - Sử dụng một trong các phần mềm thiết kế web, ví dụ phần mềm Visual Code
 - Khởi động Visual Code, từ menu File chọn New File

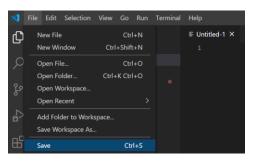


43



Tạo ứng dụng web (tt)

- Tạo tập tin index.html (tt)
 - File → Save

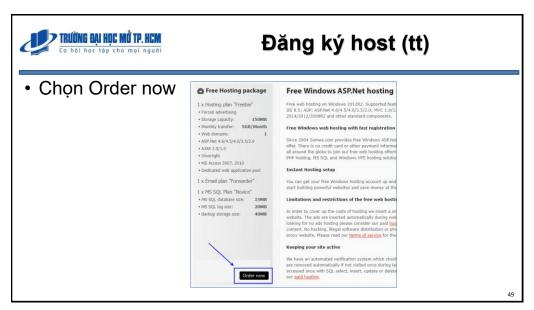


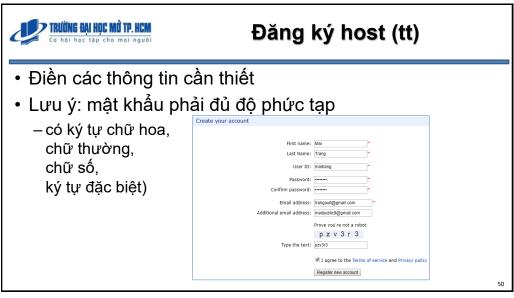








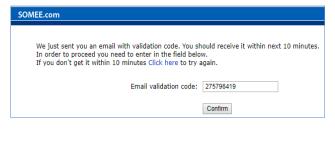






Đăng ký host (tt)

- Nếu thông tin đăng ký là hợp lệ, một mã xác thực được tự động gởi đến email đã đăng ký.
- Kiểm tra email và điền mã xác thực vào trang kế tiếp:



51



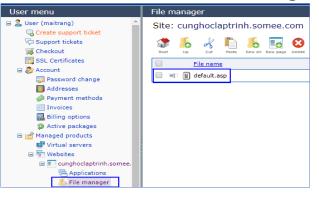






1.4.3 Triển khai ứng dụng web

- Trong cửa sổ User menu, click vào mục File manager
- Chỉ có duy nhất tập tin default.asp



55



Triển khai ứng dụng web (tt)

Thanh công cụ trên cửa số File manager



- Có hai cách để upload:
 - Cách 1: upload từng file trong File manager, chỉ nên sử dụng khi bổ sung từng tập tin trong quá trình phát triển sau này.
 - Cách 2: nén toàn bộ website thành tập tin zip, chọn mục Upload and Unzip archives → Chọn cách 2

56



Triển khai ứng dụng web (tt)

- Nén toàn bộ nội dung trong thư mục MyWebSite thành tập tin nén có phần mở rộng là .zip (MyWebSite.zip)
- Chọn Upload, chọn file MyWebSite.zip
- Click nút Upload and Unzip archives,

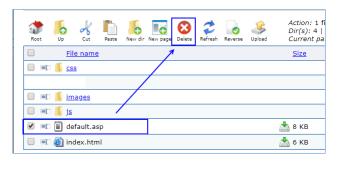


57

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP. HCM

Triển khai ứng dụng web (tt)

Sau khi đã upload và giải nén, xóa file default.asp





Triển khai ứng dụng web (tt)

- Quá trình upload website lên host đã hoàn tất
- Truy cập trang http://cunghoclaptrinh.somee.com

